

QUỸ ETF SSIAM VN30
Số/No: 226/2026/TB-SSIAM-NVQ

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
- Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VN30
- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUESSV30
- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 05/06/2026
- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF

Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
1	ACB	3,900	4.14%
2	BID	300	0.52%
3	BSR	800	0.93%
4	CTG	1,000	1.38%
5	FPT	2,900	8.92%
6	GAS	200	0.69%
7	GVR	300	0.43%
8	HDB	3,600	3.70%
9	HPG	9,500	9.20%
10	LPB	2,500	4.69%
11	MBB	3,600	3.64%
12	MSN	1,700	5.08%
13	MWG	2,200	6.97%
14	PLX	200	0.34%
15	SAB	200	0.39%
16	SHB	3,400	1.90%
17	SSB	1,500	0.87%
18	SSI	1,500	1.64%
19	STB	1,600	4.55%
20	TCB	3,500	4.45%
21	TPB	1,300	0.84%

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
<i>Order</i>	<i>Securities symbol</i>	<i>Volume</i>	<i>Weighting</i>
22	VCB	800	2.01%
23	VHM	700	4.24%
24	VIB	1,900	1.25%
25	VIC	1,100	8.90%
26	VJC	500	3.49%
27	VNM	1,700	4.03%
28	VPB	3,900	4.18%
29	VPL	100	0.37%
30	VRE	1,800	2.26%
I	Chứng khoán/Stock	2,374,925,000	95.99%
II	Tiền/Cash(VND)	99,234,200	4.01%
III	Tổng/Total (=I+II)	2,474,159,200	100%

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoá đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	2,374,925,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND)	2,474,159,200
+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	99,234,200

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
<i>No.</i>	<i>Securities code</i>	<i>Substitution cash per share (VND)</i>	<i>Applied to</i>	<i>Reason</i>
1	BID	42,650	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Article 28.4 a Circular 121/2020/TT-BTC
2	SSI	27,100	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 05/06/2026	Kỳ trước/Last Period(**) 04/06/2026	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0.00	0.00	0.00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0.00	0.00	0.00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	9,900,000.00	9,900,000.00	0.00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	25,000.00	24,940.00	60.00
5.Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date	0.00	0.00	0.00
của quỹ ETF/ of the Fund	244,941,760,872.00	244,003,812,912.00	937,947,960.00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	2,474,159,200.00	2,464,684,978.00	9,474,222.00
của 1 CCQ/ per Share	24,741.59	24,646.84	94.75
6.Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,986.28	1,982.29	3.99

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 04/06/2026/ Indicator No. 5 uses the net asset value 04/06/2026.

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 03/06/2026/ Indicator No. 5 uses the net asset value 03/06/2026.

Đại diện tổ chức
Organization representative